

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 02 - 2023.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình
- ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mỹ Linh.
2. Ông Nguyễn Văn Thoi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2022/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Chúc L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 6, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh Kiều Minh Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp 6, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Chúc L trình bày:

Vào năm 2017, chị Lê Thị Chúc L và anh Kiều Minh Đ do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Đến ngày 16/3/2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm

sống, khi anh Đăng nhậu say thì vợ chồng thường xuyên cự cãi. Hiện tại cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ đầu tháng 12/2022 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Kiều Thị Diễm M (nữ), sinh ngày 27/3/2018. Cháu M đang sống chung với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi cháu M, chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Ly vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Kiều Minh Đ trình bày:

Anh Đ thống nhất với lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nhưng nay anh Đ vẫn còn thương vợ và con nên anh Đ xin được đoàn tụ.

Về con chung: Trường hợp chị L cương quyết xin ly hôn thì anh Đ cũng thống nhất giao cháu M cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Đ vẫn giữ nguyên lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Chúc L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Kiều Minh Đ và yêu cầu được nuôi con. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con”. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp 6, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên căn cứ theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2017 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị L và anh Đ được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống chị L và anh Đ phát sinh nhiều mâu

thuần. Chị L cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh Đ không thể hàn gắn, chị L không thể tiếp tục sống chung với anh Đ được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Thời gian ly thân kéo dài nhưng chị L và anh Đ không hàn gắn được. Đến thời điểm xét xử chị L vẫn cương quyết xin ly hôn. Vì vậy, căn cứ mà chị L yêu cầu xin ly hôn với anh Đ là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Cho chị L và anh Đ được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh Đ về việc giao cháu M cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu My do chị L chưa yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị L và anh Đ khai có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị L và anh Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Ly phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Chúc L đối với anh Kiều Minh Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Chúc L và anh Kiều Minh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Kiều Thị Diễm M (nữ), sinh ngày 27/3/2018 cho chị Lê Thị Chúc L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu M do chị L chưa yêu cầu. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh Đ khai có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị L và anh Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị Chúc L phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo lai thu số 0006742 ngày 22/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Thới Phần